

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2024/HNGĐ- ST  
Ngày 16 tháng 9 năm 2024  
“V/v Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Minh Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Kiều Công Ích

Ông Phùng Văn Thị.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:** Ông Ngô Xuân Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Thu H**, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

+ *Bị đơn:* Anh **Trần Việt H1**, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khu 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi tạm trú: Tổ 1, ấp Suối Đá, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

(Chị H và anh H1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Trần Việt H1 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/10/2006 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Khi đó chị là giáo viên, anh H1 làm nghề tự do. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị ở chung với bố mẹ chồng. Sau một thời gian chung sống, chị và anh H1 xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Từ năm 2020 chị đã về ở nH1 mẹ đẻ tại khu 15, xã C, huyện T, vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị và anh H1 được ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm.

- Về con chung: Chị và anh Trần Việt H1 có 02 con chung là Trần Hà Duy A, sinh ngày 25/8/2007 và Trần Thu H2, sinh ngày 27/01/2013. Hiện tại, hai cháu đang ở với chị. Nay ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi cả hai con; nếu anh H1 không đồng ý thì mỗi người nuôi một con, theo nguyện vọng của các cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ghi ngày 28/8/2024, bị đơn là anh Trần Việt H1 trình bày: Anh và chị Bùi Thị Thu H kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh và chị H xảy ra mâu thuẫn do không hợp. Vợ chồng anh đã ly thân từ tháng 01/2021 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị H xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí, vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không hàn gắn được nữa.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Trần Hà Duy A, sinh ngày 25/8/2007 và Trần Thu H2, sinh ngày 27/01/2013, hiện nay hai cháu đang ở với mẹ. Nếu ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con trai là Trần Hà Duy A. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang sinh sống và làm việc tại thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Do anh ở xa, công việc bận, không về để giải quyết ly hôn được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

\* Tại bản tự khai, các con chung của chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1 trình bày nguyện vọng như sau: Cháu Trần Hà Duy A, sinh ngày 25/8/2007 xin được ở với bố; cháu Trần Thu H2, sinh ngày 27/01/2013 xin được ở với mẹ.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1.

- Về con chung: Giao cho anh Trần Việt H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hà Duy A, sinh ngày 25/8/2007; giao cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thu H2, sinh ngày 27/01/2013. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Không có, nên không phải giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1 mỗi người phải nộp 75.000đ.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Bùi Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh Trần Việt H1. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Bùi Thị Thu H và bị đơn là anh Trần Việt H1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền là UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 26/10/2006, do vậy đây là một hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị H, anh H1 xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau. Hai bên đã ly thân hơn 03 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xin ly hôn, anh H1 cũng nhất trí.

Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị H và anh H1 thuận tình ly hôn là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[3]. Về con chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1 có 02 con chung là Trần Hà Duy A, sinh ngày 25/8/2007 và Trần Thu H2, sinh ngày 27/01/2013. Hai cháu đang ở với chị H tại khu 15, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con, hoặc theo ý kiến của con; anh H1 đề nghị được nuôi cháu Trần Hà Duy A. Xét thấy, chị H và anh H1 đều có khả năng nuôi con như nhau. Do đó, Hội đồng xét xử giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu H2; giao cho anh H1 trực tiếp nuôi cháu A như đề nghị của anh H1 là hợp tình, hợp lý và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1 đều trình bày không có, vì vậy Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu tại phiên tòa.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Việt H1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Hà Duy A, sinh ngày 25/8/2007. Giao cho chị Bùi Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thu H2, sinh ngày 27/01/2013. Anh H1 và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp: Không có, nên không giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Bùi Thị Thu H và anh Trần Việt H1 mỗi người phải nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Khoản án phí chị H phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0001935, ngày 03 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Chị H được hoàn trả 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện T
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã Đ (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Vũ Thị Minh Hòa**